

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 568/2019/DS-ST
Ngày: 29/11/2019
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T-THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Nhung

2. Bà Trần Quang Cảnh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trung Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân quận T, thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 176/2019/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Tầng 1-7 tòa nhà Thủ Đô, số 72 phố Trần Hưng Đ, phường Trần Hưng Đ, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T, Phó Tổng giám đốc

Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1993

Văn bản ủy quyền số 011019/UQ-PGDK ngày 01/10/2019

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh ngày 29/9/1977

Địa chỉ: 94/16 đường T, phường T, quận T, Thành phố H.

Địa chỉ hiện nay: 150B đường G, phường T, quận T, Thành phố H.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn do ông Nguyễn Hữu Q là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/8/2014 ông Nguyễn Anh T có ký lần lượt các hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HCM/14/5728/HDTD/UPL với Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là ngân hàng) nội dung thỏa thuận: Vay số tiền 26.000.000 đồng; thời hạn 48 tháng; Lãi suất: 30%/tháng; Hợp đồng tín dụng số 1947263 (LD142700116) giải ngân ngày 01/10/2014 (theo Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng), số tiền vay 40.000.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất 27%/tháng; và Hợp đồng thẻ tín dụng số 325-P-031220 mở ngày 30/9/2014 hạn mức thẻ 30.000.000 đồng (Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế 25/9/2014), lãi suất tối đa: 30% /tháng. Mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân.

Thực hiện hợp đồng, ông T đã nhận đủ số tiền vay và không thanh toán các khoản vay và lãi theo thỏa thuận. Tính đến ngày 05/6/2018 ông Thu còn nợ số tiền của các hợp đồng trên là 110.686.811 đồng. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Thu phải thanh toán số nợ còn lại theo hợp đồng tín dụng trên là 110.686.811 (*Một trăm mười triệu sáu trăm tám mươi sáu ngàn tám trăm mười một*) đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Lãi suất tiếp tục phát sinh kể từ ngày 06/6/2018 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng.

Tòa án nhân dân quận T đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự giải quyết tranh chấp. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt tại Tòa án để tham gia phiên họp và hòa giải nên Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nhận, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản về việc không tiến hành hòa giải được, đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Anh T phải thanh toán số nợ còn lại theo hợp đồng tính đến hết ngày 29/11/2019 là 162.014.170 (*Một trăm sáu mươi hai triệu không trăm mười bốn ngàn một trăm bảy mươi*) đồng, trong đó nợ gốc là 31.461.420 đồng; nợ lãi là 43.038.691 đồng.

Bị đơn là ông Nguyễn Anh T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ do các đương sự xuất trình và do Tòa án thu thập được, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét, Đơn khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Anh T phải có trách nhiệm thanh toán theo hợp đồng, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố H theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Anh T đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Thu vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng; Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Thu.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, giao nhận văn bản tố tụng đối với ông Nguyễn Anh T là bị đơn trong vụ án theo quy định tại các điều 170, 171, 172, 173 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Thu vắng mặt mà không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; đồng thời ông Thu không có văn bản trình bày ý kiến khi nhận được thông báo thụ lý vụ án được quy định tại Điều 199 và thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các hợp đồng tín dụng ông Thu ký với ngân hàng để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Căn cứ hợp đồng, thì sự thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 386 và Điều 388 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T là bên vi phạm hợp đồng không trả nợ gốc và nợ lãi đúng hạn theo thỏa thuận nên ngân hàng yêu cầu ông T thanh toán số nợ tính đến hết ngày 29/11/2019 là 162.014.170 (*Một trăm sáu mươi hai triệu không trăm mười bốn ngàn một trăm bảy mươi*) đồng; trong đó nợ gốc là 31.461.420 đồng; nợ lãi là 43.038.691 đồng, thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, đúng pháp luật phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Ngoài ra, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi từ ngày 30/11/2019 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi thỏa thuận trong hợp đồng. Trường hợp trong hợp đồng nêu trên, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng nên lãi suất mà ông T phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của ngân hàng được Tòa án chấp nhận, nên ông Nguyễn Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 177, Điều 179, khoản 3 Điều 228, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 385, Điều 386 và Điều 388, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V.

Buộc ông Nguyễn Anh T thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng số HCM/14/5728 (LD1421300218) ngày 01/8/2014; hợp đồng tín dụng số 1947263 (LD142700116) ngày 25/9/2014; hợp đồng tín dụng số 325-P-031220 ngày 30/9/2014 cho Ngân hàng TMCP V tính đến hết ngày 29/11/2019 số tiền là 162.014.170 (*Một trăm sáu mươi hai triệu không trăm mười bốn ngàn một trăm bảy mươi*) đồng; trong đó nợ gốc là 31.461.420 đồng; nợ lãi là 43.038.691 đồng.

Kể từ ngày 30/11/2019, ông T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng số HCM/14/5728 (LD1421300218) ngày 01/8/2014; hợp đồng tín dụng số 1947263 (LD142700116) ngày 25/9/2014; hợp đồng tín dụng số 325-P-031220 ngày

30/9/2014 các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của ngân hàng cho vay.

Thời hạn thanh toán: Ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.100.709 (*Tám triệu một trăm ngàn bảy không chín*) đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 2.767.170 (*Hai triệu bảy trăm sáu mươi bảy ngàn một bảy không*) đồng theo biên lai thu số 0011466 ngày 25/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T cho Ngân hàng TMCP V.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V, bị đơn ông Nguyễn Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. H;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T, TP. H;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T, TP. H;
- Lưu VP, hồ sơ (Tiền).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hòa